TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15**/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/5/2024.
"V/v: Ly hôn giữa chị P và anh V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Vương Thị Hội.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thuỳ - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 06/5/2024, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2024 về tranh chấp: ***"Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Hồng P, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Số A D, khóm G, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1985;
Địa chỉ: A Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Hồng P và anh Nguyễn Thành V qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 08/11/2016.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P trình bày là do anh V không quan tâm, không chăm sóc và chia sẻ cuộc sống với chị; anh V còn bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc và giáo dục con chung; ngoài ra, do tính chất công việc nên sau khi cưới nhau thì anh V thường xuyên đi làm ăn xa ở các tỉnh. Năm 2017, anh V phần lớn sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng; đến năm 2018, lại sinh sống và làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh; khoảng thời gian từ năm 2017 đến 2018, anh V chỉ về nhà tại Sóc Trăng thăm vợ con được 1-2 lần/năm. Từ năm 2019, anh V đi làm ăn ở Hà Nội không liên hệ, hỏi thăm hay về thăm vợ con một lần nào và đến năm 2021 cho đến nay anh V đã cắt đứt mọi liên lạc với chị; hiện anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng của người đó. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Theo chị P thì chị và anh V có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013. Sau khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị P thì chị và anh V không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành V: Quá trình giải quyết vụ án, anh V luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 17/4/2024, mặc dù đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng anh V đã vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh lại tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lý Thị Hồng P và Nguyễn Thành V *(bản chính)*, 01 Căn cước công dân mang tên Lý Thị Hồng P *(bản sao),* 01 Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Hoàng Minh Đ *(bản sao)*, 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Lý Thế Nghĩa *(bản sao) và* 01 Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn P1 *(bản sao)*.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị P và anh V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 08/11/2016; anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị P giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Lý Thị Hồng P và Nguyễn Thành V *(bản chính)* và Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hoàng Minh Đ *(bản sao)*.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81,

82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Lý Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Thanh V1.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ trưởng thành và có khả năng lao động. Do chị P không có yêu cầu nên anh V1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các bên không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

-*Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):* Nguyên đơn chị Lý Thị Hồng P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Chị Lý Thị Hồng P có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Nguyễn Thành V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị P và anh V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 08/11/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị P trình bày là do anh V không quan tâm, không chăm sóc và chia sẻ cuộc sống với chị; anh V còn bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc và giáo dục con chung; ngoài ra, do tính chất công việc nên sau khi cưới nhau thì anh V thường xuyên đi làm ăn xa ở các tỉnh. Năm 2017, anh V phần lớn sinh sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng; đến năm 2018, lại sinh sống và làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh;khoảng thời gian từ năm 2017 đến 2018, anh V chỉ về nhà tại Sóc Trăng thăm vợ con được 1-2 lần/năm. Từ năm 2019, anh V đi làm ăn ở Hà Nội không liên hệ, hỏi thăm hay về thăm vợ con một lần nào và từ năm 2021 cho đến nay, anh V đã cắt đứt mọi liên lạc với chị. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng của người đó. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn với nhau. Về phía bị đơn anh Nguyễn Thành V đã không hợp tác làm việc, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập và không tham gia phiên hòa giải do Tòa án tổ chức nên việc đoàn tụ gia đình không thể thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh V đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh V.

[3] ***Về con chung:*** Chị P và anh V có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013. Sau khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị này của chị P là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh chị khi cháu Đ đang ở với chị P, được chị chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, cháu còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ cho chị P nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị P không yêu cầu nên anh V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Theo chị P thì chị và anh V không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy, HĐXX không xem xét. Đối với anh V, do anh chưa có quan điểm về tài sản chung và nợ chung nên nếu giữa anh và chị P xảy ra tranh chấp với nhau về tài sản chung và nợ chung thì anh có quyền khởi kiện chị P trong vụ kiện dân sự khác.

[5] ***Về án phí LHST:*** Chị P phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

<u>Vì các lẽ trên,</u>

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Hồng P, xử cho chị P được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Minh Đ, sinh ngày 27/8/2013 cho chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị P không yêu cầu nên anh V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí LHST: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002041 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị P đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện K;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND **THẨM PHÁN-CTPT**

Nơi nhận:
THẨM
-TA tỉnh;
-VKS KBang;
-THA KBang;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên